

Bài báo nghiên cứu**DU KÍ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN GÂY TRANH CÃI****Võ Thị Thanh Tùng***Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam**Tác giả liên hệ: Võ Thị Thanh Tùng – Email: tungvtt@tdmu.edu.vn**Ngày nhận bài: 14-5-2021; ngày nhận bài sửa: 01-7-2021, ngày chấp nhận đăng: 21-7-2021***TÓM TẮT**

Du kí ngày nay đã trở thành một hiện tượng văn hóa mang tính toàn cầu, cùng với sự quan tâm của công chúng dành cho thể loại này là việc xuất hiện ngày càng nhiều các công trình nghiên cứu của các học giả. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu ấy ta thấy vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều về các vấn đề của du kí như thuật ngữ, khái niệm, ranh giới thể loại, tính hư cấu... Bài viết này tìm hiểu hai vấn đề gây nhiều tranh cãi của thể loại du kí là thuật ngữ, khái niệm và tính hư cấu. Song song đó, người viết thiết lập một khái niệm du kí của riêng mình cũng như cố gắng đưa ra một vài kiến giải về tính hư cấu của du kí. Bài viết này góp phần giúp người đọc có cái nhìn toàn diện hơn về một mảng tư liệu vốn gắn liền với những hành trình khám phá vĩ đại của con người trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử nhân loại nhưng chưa được giới nghiên cứu quan tâm đúng mức.

Từ khóa: tranh cãi; tính phi hư cấu; khái niệm du kí; thuật ngữ du kí

1. Đặt vấn đề

*Du kí (遊記) là một thuật ngữ bắt nguồn từ tiếng Trung Quốc. Từ lâu, du kí được coi là một thể loại nằm trong kí. Kí ra đời từ thời cổ đại, với nghĩa là ghi chép. Trong *Tả truyện* (năm 722 tr.CN) có câu: “Phàm hội chư hầu, có đủ đức, hình, lễ, nghĩa, không nước nào không nhớ chép” (phù chư hầu chi hội, kì đức hình lễ nghĩa, vô quốc bất kí) (Dẫn theo Khong, 2002, p.62). Trong buổi sơ khai của lịch sử văn hóa nhân loại, kí là một trong những hình thức ghi chép chính. Trong quá khứ, cổ nhân xếp du kí, truyện kí, kí sự, tạp kí... vào kí, nhưng đôi khi các thể loại như “bút”, “thuật” “di thảo”, “lục”, “chí”... cũng được gọi là kí. Nói như vậy để thấy đây là một thể loại rất bác tạp. Là thể loại nằm trong kí, du kí cũng mang đầy đủ những đặc trưng của kí, đặc biệt, tính chất bác tạp của nó cũng không hề thua kém so với kí. Hiện nay, du kí được xem là loại hình văn học gắn liền với hoạt động du lịch và đang có sự hồi sinh một cách mạnh mẽ. Cùng với đó là mối quan tâm đáng kể của các nhà nghiên cứu đối với thể loại này. Chưa bao giờ lại có những cuộc tranh luận sôi nổi về một thể loại vốn từng bị coi là “trung lưu”, “chiếu dưới” như trong thời gian*

Cite this article as: Vo Thi Thanh Tung (2021). Travel writing and debates. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(7), 1347-1358.

gần đây. Tuy nhiên, việc định nghĩa và xác định những đặc trưng thể loại của loại hình văn học này không phải lúc nào cũng thống nhất với nhau. Bài viết này bước đầu tìm hiểu thuật ngữ, khái niệm du kí và những vấn đề còn gây tranh cãi của thể loại này ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

2. Nội dung

2.1. Vấn đề thuật ngữ và khái niệm du kí

Trong lịch sử, “du kí” không được coi là thể loại chính thống trong hệ thống thể loại văn học Trung Quốc. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy hầu hết các tác phẩm ghi chép trên đường đi của Trung Quốc đều được gọi chung là “kí”, “chí” hay “lục” như *Vĩnh Châu bát kí* của Liễu Tông Nguyên, *Du Bao Thiên sơn kí* của Vương An Thạch, *Tân Gia Ba phong thổ kí* của Lý Chung Ngọc, *Tây dương phiên quốc chí* của Củng Trân, *Hải đảo dật chí* của Vương Đại Hải, *Lai Nam lục* của Lý Cao, *Hải lục* của Tạ Thanh Cao hay *Ngô thuyền lục* của Phạm Thành Đại... Thăng hoặc, thuật ngữ “du kí” mới xuất hiện trong tập *Từ Hà Khách du kí* của Từ Hà Khách đời Thanh, nhưng du kí này cũng được người đời sau biên soạn và đặt lại tên. Do vị trí khiêm tốn của “du kí” nên mặc dù các nhà phê bình trong các triều đại nhà Minh và Thanh đã bắt đầu chú ý đến các ghi chép về du hành, nhưng mãi đến nửa đầu thế kỉ XX, thuật ngữ “du kí” vẫn chưa thấy xuất hiện trong các từ điển cổ điển như *Từ nguyên* (1915) và *Từ hải* (1938). Gần đây, thể loại này mới được các nhà nghiên cứu văn học giới thiệu cho bạn đọc đương đại.

Vì tính chất phức tạp của “kí”, “chí”, “lục”, nên cần thiết phải tìm hiểu các sắc thái ý nghĩa của ba thuật ngữ này. Theo Trần Thị Kim Anh và Hoàng Hồng Cẩm thì “thời cổ, “kí” (記), “chí” (志) và “lục” (录) là loại văn dùng để ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe” (Tran, 2010, p.102). Tuy nhiên, “những cái gọi là mắt thấy tai nghe của cổ nhân rất phong phú” (Tran, 2010, p.102), do đó, tính chất ghi chép của từng loại cũng khác nhau. Thông thường “chí” và “lục” được “dùng để ghi chép những vấn đề những sự việc dàn trải, dài hơi, mang nhiều chất thực lục, thích hợp với ghi chép lịch sử hoặc địa lí, còn kí là loại văn được viết ngắn gọn hơn, thích hợp với những ghi chép về những sự việc, những cảm xúc tức thì” (Tran, 2010, p.103). Nhưng trong thực tế, người viết thường không quá rạch ròi khi sử dụng các thuật ngữ này, cho nên mới có hiện tượng “có cái được gọi là lục thì thực tế là những truyện kí, có cái được gọi là kí thì lại là một thiên địa lí hàng trăm trang, có cái được gọi là chí thì lại là một bài kí ngắn” (Tran, 2010, p.103). Chính vì vậy, có thể kết luận rằng kí, chí, lục “là thể văn bác tạp nhất và khó phân định nhất về thể loại” (Tran, 2010, p.103). Tuy nhiên, về cơ bản “chí” và “lục” “thường được sử dụng cho các ghi chép về lịch sử và địa lí” (Tran, 2010, p.103), nhưng do trong thời trung đại, với tư duy nguyên hợp, cổ nhân chưa phân biệt rạch ròi các ghi chép văn, sử, địa, do đó, ở một mức độ nhất định, các tác phẩm chí và lục ghi chép về các chuyến đi có thể được coi là du kí.

Trong văn học Việt Nam, có nhiều từ Hán Việt cũng chỉ sự đi như “hành”, nhưng sự đi trong “hành” chủ yếu là đi công vụ, đi vì công việc hơn là đi chơi. Bên cạnh đó, cũng có loại “kí hành” là ghi chép về chuyến đi của mình, với nét nghĩa như vậy nó cũng mang cảm hứng của ghi chép du kí. Mặc dù vậy, so với “chí”, “lục”, “hành” thì:

Kí phóng khoáng, tự do hơn và mang đậm dấu ấn chủ quan của người viết qua cách cảm nhận về sự vật, sự việc và những lời bình luận hay phát biểu cảm nghĩ xen vào đó, với mục đích chính là ghi lại những gì mà mình thấy có cảm xúc, cảm hứng, theo nhu cầu tình cảm của cá nhân. Do vậy khi đi xa, người ta thường chọn cách ghi chép của kí hơn là chí – có thể là ghi chép bằng văn xuôi như *Thượng kinh kí sự* hay ghi chép bằng thơ như rất nhiều bài thơ sử trình đã quen thuộc với độc giả. (Đoan, 2011, p.789)

Điều này được thể hiện rõ nhất qua cách đặt tên các tác phẩm ghi chép cuộc hành trình, hầu hết là dùng “kí” để định danh, số ít còn lại là dùng các thể loại khác như “chí”, “hành”, “lục”...

Giống như Trung Quốc, ở Việt Nam, vì không phải là thể loại văn học chính thống, nên suốt hàng nghìn năm văn học, du kí xuất hiện không nhiều. Mãi đến đầu thế kỉ XIX mới thấy xuất hiện thuật ngữ “du kí” trong tác phẩm *Tam Kiều nguyệt dạ du kí* (1805) của Ngô Thì Hoàng, *Tam Ngô du kí* (?) của Nguyễn Văn Siêu. Tuy vậy, “phải đến đầu thế kỉ XX, khi du kí xuất hiện nhiều trên các tạp chí như Nam Phong, Phụ nữ tân văn... đặc biệt với sự xuất hiện của những cây bút chuyên viết du kí như Phạm Quỳnh, vấn đề định danh “du kí” mới chính thức được đặt ra” (Nguyen, 2016).

Về thuật ngữ, “du” theo *Từ điển Hán Việt* của Đào Duy Anh, nghĩa là “xa xôi”. “Kí” nghĩa là ghi nhớ, ghi chép (Dao, 2005, p.354). “Du kí” (遊記) là sách ghi chép những điều trải qua trong cuộc du lịch (Dao, 2005, p.180). Trong *Hán Việt Từ điển* của Thiều Chửu có ghi: “du” (遊) là chơi, tới chỗ cảnh đẹp ngắm nghía cho thích gọi là du như du sơn, du viên. Đi xa cũng gọi là “du”, như du học. Chơi bời, đi lại chơi bời với nhau gọi là “du” (Thieu, 2004, p.851). Còn “kí” (記) có nhiều nghĩa như: nhớ, nhớ kĩ cho khỏi quên, ghi chép. Tóm lại “du kí” là sách chép các sự đã nghe, đã thấy trong khi đi chơi (Thieu, 2004, p.149).

Tương tự như vậy, *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên định nghĩa “du lịch” như sau: “Đi xa cho biết xứ lạ khác với nơi mình ở” (Hoang, 2002, p.264). Từ khái niệm ấy, ta có các loại hình gắn liền với du như du ngoạn, du lãm, du hành. Cũng theo *Từ điển tiếng Việt*, du ngoạn là “đi chơi ngắm cảnh”, du lãm là “Đi chơi để xem cho biết cảnh đẹp”, còn du hành là “đi chơi xa” (Hoang, 2002, p.264). Ở các định nghĩa trên dù là “đi xa cho biết xứ lạ” hay “đi chơi ngắm cảnh” hoặc “đi chơi để xem cho biết cảnh đẹp” thì đơn giản chỉ là “đi xa cho biết”, còn riêng du kí lại phức tạp hơn ở chỗ nó không chỉ là “đi cho biết” mà còn phải “ghi lại những điều người viết chứng kiến trong chuyến đi chơi xa” ấy (Hoang, 2002, p.264).

Tuy nhiên định nghĩa này cũng chỉ dừng lại ở việc “ghi lại những điều người viết chứng kiến”, trong khi du kí không đơn thuần chỉ là ghi chép thông thường mà còn hàm chứa trong đó những cảm xúc, những suy tư, những so sánh... Thực ra, “du” trong du kí không phải lúc nào cũng gắn liền với đi chơi, đặc biệt là đi ra ngoài lãnh thổ nước ta. Có những chuyến đi gắn với công việc như đi sang Pháp dự đấu xảo của nhà khoa học Nguyễn Công Tiễn, hành trình công vụ này được ông ghi lại trong *Du lịch châu Âu - Hội chợ Marseille – Đấu xảo quốc tế Paris*, có chuyến đi gắn với tôn giáo như hành trình của Nhẫn Tế thiền sư đến Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Tây Tạng để học tập và nghiên cứu Phật pháp được ông ghi lại trong *Sự tích Tây du Phật quốc*, lại cũng có những hành trình liên quan đến chính trị như hành trình sang các nước Đông Á cầu học để thực hiện sứ mệnh duy tân đất nước của Nguyễn Bá Trác, một thành viên trong phong trào Đông Du, được ghi lại trong *Hạn mạn du kí*...

Trong tiếng Nga, du kí được gọi là “Путешествие”. Còn người Nhật gọi du kí là kikōbun (紀行文) kí hành văn, với hàm nghĩa tương đương với từ “travel writing” trong tiếng Anh, từ “relation de voyage” trong tiếng Pháp và từ “ταξιδιωτικό γράψιμο” trong tiếng Hi Lạp. Tuy nhiên, ngoài từ “du kí” ra, người ta còn sử dụng các từ như lữ kí, nhật kí hành trình, bút kí đi đường... Cũng như trong tiếng Anh, ngoài từ “travel writing”, người ta còn dùng từ “travel literature”, “travel record”, “travel record literature” hay “travel note” để chỉ các ghi chép hành trình. Theo đó, cũng giống như từ “du kí” trong tiếng Việt, “travel writing” trong tiếng Anh vẫn được sử dụng phổ biến hơn cả.

Du kí trong tiếng Anh được gọi là travel writing, hay travel literature, do đó việc tìm hiểu khái niệm travel (du) là điều cần thiết bởi nó sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản chất của thể văn gắn liền với hoạt động du lịch này. Liên quan đến hoạt động du lịch, trong tiếng Anh có các từ sau “journey”, “tourist”, “tourism”, “tour”, “travel” đều có nghĩa là du lịch, du hành. Tuy vậy, trong mỗi từ vẫn có những nét nghĩa khác nhau. “Journey” theo từ điển Cambridge định nghĩa thì đó là “hoạt động du lịch từ nơi này sang nơi khác, đặc biệt là bằng phương tiện xe đạp”, còn “tourist” là “hoạt động du lịch và thăm thú các nơi của con người để thư giãn và vui vẻ”, “tourism” thì thiên về các hoạt động kinh doanh gắn liền với du lịch như cung cấp các phương tiện vận chuyển, chỗ ở, các hình thức giải trí cho khách du lịch..., “tour” được định nghĩa là một chuyến viếng thăm một địa điểm hoặc một khu vực, mà đặc biệt chuyến đi ấy gắn với mục đích tìm hiểu, khám phá hơn là nghỉ ngơi thư giãn, riêng “travel” là “thực hiện một hành trình, thường là đi xa” (to make a journey, usually over a long distance) (Dictionary.n.d).

Trong các định nghĩa trên, định nghĩa về “travel” là bao quát hơn cả. Định nghĩa này không giới hạn các chuyến đi, thời gian đi cũng như phương tiện đi... nó đơn giản chỉ là “thực hiện một hành trình” và hành trình đó phải là “đi xa”, do vậy nó có thể là các chuyến đi chơi đơn thuần nhằm nghỉ ngơi thư giãn, nhưng nó cũng có thể là chuyến đi khám phá, đi để kinh doanh, đi để thực hiện công vụ, đi vì mục đích tôn giáo, khoa học, chính trị... tất

nhiên, những hành trình đó phải chứa đựng yếu tố quan sát, tìm hiểu vùng đất lạ. Và như thế nó khá phù hợp với tinh thần của “travel writing” là ghi chép về các chuyến đi, trong đó không giới hạn về mục đích của các cuộc hành trình.

Nếu như hiện nay, giới nghiên cứu Việt Nam khá thống nhất trong việc dùng thuật ngữ “du kí” để gọi tên thể loại văn học gắn liền với các chuyến đi, thì giới nghiên cứu phương Tây lại đang dùng hai thuật ngữ “travel writing”, “travel literature”. Trong đó, thuật ngữ “travel writing” được dùng phổ biến hơn cả. Có thể tìm thấy thuật ngữ này trong rất nhiều công trình nghiên cứu về du kí như *Travel Writing: The Self and the World* (1997) của Casey Blanton, *Contemporary Travel Writing of Latin America* (2009) của Claire Linsay, *Travel Writing* (2011) của Carl Thompson, *The Cambridge Introduction to Travel Writing* (2018) của Tim Youngs. Còn trong các công trình *Travel literature* (2001) của James M. Hargett, *Travel Literature and the Evolution of the Novel* (1983) của Percy G. Adams lại sử dụng thuật ngữ “travel literature”... Sự phong phú trong cách gọi tên cũng là dấu hiệu cho thấy, thể loại văn học này đang ngày càng được giới nghiên cứu quan tâm nhiều hơn. Với hai thuật ngữ “travel writing” và “travel literature”, sử dụng thuật ngữ nào là phù hợp? Thật ra, du kí là thể loại mà ranh giới của nó khá mờ nhạt, do đó cách gọi nào cũng có lí do để tồn tại, nhưng một bên là thiên về “writing” (bản ghi chép, sự viết, tác phẩm), tạo nên ấn tượng về tính trung thực của những điều được ghi chép. Một bên lại nhấn mạnh tính văn chương của những ghi chép ấy. Tuy nhiên khi dùng thuật ngữ “literature” (văn chương) sẽ khiến người đọc dễ liên tưởng đến thể loại có tính hư cấu nhiều hơn vì nghĩa của literature có nội hàm rất rộng. Nó bao hàm cả văn chương hư cấu lẫn phi hư cấu. Mà bản chất của du kí là ghi chép người thật việc thật và người thường thức du kí cũng là những người có nhu cầu tìm kiếm sự thật hơn là những câu chuyện hư cấu, do vậy dùng khái niệm “writing” là phù hợp hơn cả. Tuy vậy, không phải ghi chép “writing” nào cũng trở thành du kí, chỉ có những ghi chép có giá trị nghệ thuật thực sự, được người đọc đón nhận mới trở thành du kí.

Du kí ngày nay đã trở thành một hiện tượng văn hóa mang tính toàn cầu, do đó sự quan tâm dành cho thể loại này ngày càng rõ rệt hơn. Mặc dù vậy, trong quá khứ, thể loại này không dành được nhiều sự quan tâm trong giới nghiên cứu. Minh chứng tiêu biểu nhất là bộ từ điển Bách khoa Britannica, một trong những bộ từ điển nổi tiếng nhất thế giới hiện nay lại không có mục từ “du kí”. Hay ngay tại Việt Nam, bộ *Từ điển Văn học* do Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá chủ biên năm 2004 vẫn chưa thấy đưa mục từ “du kí” vào. Có thể nói, đây là những thiếu sót rất đáng tiếc cho một thể loại vốn gắn liền với những hành trình khám phá vĩ đại của con người trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử nhân loại.

Từ những điều phân tích ở trên, chúng tôi cũng cố gắng xác lập một định nghĩa rõ ràng về du kí, vì điều đó không chỉ giúp người đọc có được cơ sở để phân định ranh giới thể loại, mà còn hiểu được bản chất thể loại của nó. Trong bài viết này, ở một mức độ cho

phép, chúng tôi đưa ra một định nghĩa về du kí như sau: Du kí là thể loại văn xuôi tự sự phi hư cấu, thuật lại những chuyến đi, ghi lại những cảm xúc, tình cảm và suy ngẫm của người viết khi đi đến những vùng đất mới.

Trong khái niệm này, chúng tôi đề cập bốn yếu tố làm nên một tác phẩm du kí: i) thể văn xuôi tự sự, ii) những tác phẩm phi hư cấu, iii) được ghi chép theo chuyến đi, và iv) người viết phải bày tỏ được cảm xúc của mình trước cảnh sắc mới lạ. Tuy nhiên, trong phần tiếp theo, chúng tôi chỉ đi vào làm rõ yếu tố quan trọng nhất làm nên cái bản dạng riêng của thể loại du kí nhưng cũng là yếu tố gây tranh cãi nhiều nhất, đó là yếu tố “phi hư cấu”.

2.2. Vấn đề tính hư cấu của du kí

Xoay quanh vấn đề này, có hai luồng ý kiến trái chiều: Một bên cho rằng du kí có thể bao gồm các tác phẩm hư cấu, bên còn lại khẳng định du kí không thể dung nạp những câu chuyện tưởng tượng. Cuộc tranh luận này đến nay vẫn chưa có hồi kết, bởi ai cũng có những lí lẽ riêng của mình.

Đại diện tiêu biểu cho quan điểm cho rằng du kí có thể bao gồm các tác phẩm hư cấu là Dea Birkett và Sara Wheeler. Vào những năm 90 của thế kỉ XX, khi du kí bắt đầu được giới nghiên cứu quan tâm, Dea Birkett và Sara Wheeler đã mạnh dạn bày tỏ quan điểm:

Nhà văn du lịch đã tạo nên một sự khởi đầu mới. Một thế hệ các nhà văn những người thúc đẩy các giới hạn của thể loại đã xuất hiện từ trường phái phiêu lưu cũ. Các nhà du kí đã trở nên văn chương hơn và giảm dần tính đời thường trong tác phẩm của mình. Sự kết hợp giữa tiểu sử, hồi kí và hư cấu tạo nên một trong những tài liệu phong phú nhất, do vậy hãy gọi nó là du kí mới. (Dea, 1998, p.9)

Sau đó, hai nhà nghiên cứu này giải thích thêm: “Trong các du kí mới này, điều quan trọng là “không phải là những gì chúng ta thấy, mà là cách chúng ta nhìn thấy” (Dea, 1998, p.10). Rõ ràng cách nhìn nhận về du kí đã có nhiều thay đổi. Theo Dea Birkett và Sara Wheeler, du kí không còn là những ghi chép đơn giản nhằm truyền đạt thông tin đơn thuần, nó cần được gia công, trau chuốt và quan trọng hơn, nó cần thể hiện được cái nhìn độc đáo của người viết trong quá trình tiếp cận hiện thực. Khi thông tin không còn là điều hiếm hoi trong thế giới hiện đại, thì yếu tố khác biệt sẽ là điểm thu hút của du kí trong hành trình cạnh tranh với các thể loại khác nhằm tìm kiếm chỗ đứng trong lòng độc giả.

Cùng thừa nhận tính hư cấu trong du kí còn có nhà nghiên cứu Jan Borm, trong bài viết “Defining Travel: On the Travel Book, Travel Writing and Terminology”, ông tuyên bố du kí “là một thuật ngữ tập thể cho nhiều loại văn bản chủ yếu là hư cấu và phi hư cấu với chủ đề chính là du lịch” (Jan, 2004, p.13). Sau đó, Charles Forsdick cũng khẳng định du kí là “một hình thức văn học nằm ở đâu đó giữa quan sát khoa học và tưởng tượng” (Charles, 2009, p.58). Còn Dinah Roma Sianturi thì chỉ ra rằng du kí đã “vượt qua ranh giới và làm đảo lộn các quy ước của các ngành khác. Nó là cả thực tế và hư cấu” (như trích dẫn ở Tim, 2018, p.3). Tim Youngs cũng không hề có ý định phủ nhận tính hư cấu của du

kí, ông viết: “Thật khó để bỏ qua ảnh hưởng lẫn nhau của các câu chuyện giả tưởng và thực tế về du lịch” (Tim, 2018, p.4).

Ở Việt Nam, trong cuốn *Lược khảo lịch sử văn học Việt Nam từ khởi thủy đến cuối thế kỉ XX*, ở phần “Văn chương hiện kim”, mục “Những bước đầu của tiểu thuyết”, Bùi Đức Tịnh cũng coi du kí như những thiên kí sự kể những chuyện của chính tác giả: “Được xem như là một loại tiểu thuyết, chỉ tô điểm thêm đôi chút những sự thật mà tác giả đã chứng kiến” (Bui, 2004, p.363).

Còn các tác giả trong *Từ điển thuật ngữ văn học* thì cho rằng “Dạng đặc biệt của du kí phát huy cái chất ghi chép về miền xa lạ của nó là tiểu thuyết du kí về các xứ sở tưởng tượng, có tính chất không tưởng hay viễn tưởng khoa học. Ví dụ: *Gu-li-vo du kí* của Xuýp-tơ” (Le, Tran, & Nguyen, 2006, p.108).

Và để biện minh cho sự tồn tại của tính hư cấu trong du kí, Carl Thompson đưa ra các lí do sau:

Sự mở rộng về mặt thể loại này có lẽ là lời giải thích dựa trên lí do rằng một cuốn tiểu thuyết giống như một chuyến du hành phi hư cấu có thể trình bày câu truyện kể giàu thông tin, sinh ra từ kinh nghiệm trực tiếp của tác giả, về một người hoặc một địa điểm xa lạ. Hơn nữa, những tác phẩm hư cấu cũng như phi hư cấu có thể hình thành trong chúng ta những nhận thức mạnh mẽ về các dân tộc và các vùng đất khác. (Carl, 2011, p.24)

Theo cách giải thích của Carl Thompson thì du kí có thể bao hàm những câu chuyện hư cấu, tuy nhiên, những hư cấu ấy phải được dựa trên chuyến đi có thật của chính tác giả tới một địa điểm xa lạ. Ông lấy tác phẩm *Heart of Darkness* (1899) của Joseph Conrad (1857-1924) làm ví dụ, cuốn sách là câu chuyện phiêu lưu của Marlow đến vùng đất hoang dã và bí ẩn châu Phi dựa trên hành trình có thật của nhà văn Conrad vào năm 1890. Carl Thompson cho rằng cuốn sách dù có những chi tiết hư cấu nhưng vì nó dựa trên những trải nghiệm có thật nên câu chuyện kể vẫn có tính thuyết phục cao. Chính bởi vậy nên ông cho rằng tiêu chí cho thể loại du kí phải là “tự sự phi hư cấu ở ngôi thứ nhất”, nghĩa là ông nhấn mạnh đến sự ghi chép chân thực các trải nghiệm của chính tác giả - người kể chuyện”, còn những hư cấu chỉ là chất phụ họa làm tăng thêm sự hấp dẫn cho du kí. Nghĩa là ông yêu cầu nhà văn viết du kí vừa phải đảm bảo tính chân thực lại vừa tạo được hứng thú cho người đọc. Nhưng làm sao để dung hòa hai phẩm chất ấy trong một tác phẩm du kí? Câu hỏi không dễ tìm được câu trả lời. Hiểu được “nỗi khổ” ấy của những người cầm bút, Carl Thompson bày tỏ sự đồng cảm:

Đối với tất cả các nhà văn viết du kí đều thấy mình phải thương lượng hai vai trò khác nhau một cách tế nhị và có khả năng xung đột: vai phóng viên khi họ tìm cách chuyển tiếp chính xác thông tin thu được qua chuyến du lịch và vai người kể chuyện khi họ tìm cách duy trì sự quan tâm của người đọc trong thông tin đó, và trình bày nó một cách thú vị, hoặc ít nhất là dễ tiêu hóa. Và sự thương lượng cần thiết của hai vai trò này đảm bảo rằng sự phân biệt giữa ‘hư cấu’ và ‘phi hư cấu’ trong viết du kí không quá rõ ràng như người ta vẫn nghĩ ban đầu”. (Carl, 2011, p.29).

Do thừa nhận hư cấu như là thuộc tính tất yếu của du kí, nên các nhà nghiên cứu trên cho rằng cái nhãn “phi hư cấu”, khi được áp dụng cho du kí, ít nhất, có phần đơn giản. Vì lí do này, Paul Fussell hiểu thể loại này như là một sự hòa giải “sáng tạo giữa thực tế và hư cấu” (Paul, 1980, p.214). Còn Patrick Holland và Graham Huggan thì đề xuất rằng các câu chuyện du lịch nên được coi là “hư cấu của biểu tượng thực tế” (Patrick & Graham, 1998, p.10). Carl Thompson cũng nhấn nhủ rằng, sự hiện diện của hư cấu không làm “mất uy tín thông tin mà chuyển du lịch cung cấp về thế giới rộng lớn”. Và nếu độc giả thừa nhận tác phẩm du kí được các nhà văn “hư cấu ở một mức độ nào đó”, thì ông khuyên người đọc “không bao giờ nên đọc một cách ngây thơ như một khung cửa kính trong suốt trên thế giới” (Carl, 2011, p.30). Tóm lại, khi thừa nhận tính hư cấu, nghĩa là các nhà nghiên cứu muốn nhấn mạnh đến phong cách và hiệu quả thẩm mỹ hơn là tính thông tin trong du kí.

Ta hiểu được những khó khăn của nhà văn viết du kí khi buộc phải lựa chọn cách viết mới lạ để thu hút độc giả. Chính vì thế, một số nhà văn chấp nhận thêm thắt những chi tiết, những sự kiện, những con người không có thật vào tác phẩm của mình nhằm tăng tính hấp dẫn. Tuy nhiên, Hulman rất kiên quyết khi cho rằng “du kí chắc chắn là văn học nhưng nó chưa bao giờ là thể loại giả tưởng” (như trích dẫn ở Tim, 2018, p.5). Hoàng Phủ Ngọc Tường nhấn mạnh đến tính chân thực của kí nói chung và du kí nói riêng bằng cách ví von:

Cùng với cảm xúc văn học, bút kí còn chứa đựng cái cõi thực vốn là bản gốc của tác phẩm. Sức nặng ấy được di chuyển đi, không giống như một cảm giác mỹ học, mà là một quả táo Newton rơi xuống tâm hồn người đọc. (Hoang, 1983).

Sách *Lí luận văn học* cũng yêu cầu người viết kí phải tôn trọng tính khách quan của thể loại này, bởi tính khách quan chính là sinh mệnh của kí:

Kí sự chủ yếu ghi lại những diễn biến khách quan của cuộc sống và con người thông qua những sự kiện. Trong kí sự phải tôn trọng tiếng nói khách quan của sự kiện. Người viết kí có quyền bình luận, phân tích nhưng chủ yếu vẫn là tiếng nói của bản thân sự sống đang vận động, phát triển. (Ha, 1997, p.228).

Tầm Dương cũng không ngần ngại khi khẳng định “Tác phẩm đã có hai đặc trưng: người thật việc thật và có nhân vật “tôi”, thì tác phẩm phải thuộc phạm vi thể “kí” (Tam Dương, 1967, p.22). Claire Linsay cũng nói rõ: “Bất kì câu chuyện nào chi phối bởi các đặc trưng: tính phi hư cấu, có nội dung liên quan đến một chuyến đi, một cuộc hành trình diễn ra trong thực tế, trong đó tác giả, người kể chuyện và nhân vật chính là một hoặc giống hệt nhau” thì đó là du kí (Claire, 2009, p.144). Hơn thế nữa, Hoàng Tuấn Phổ cho rằng việc “Theo sát người thật việc thật đã trở thành lẽ sống của kí” (Hoang, 1966, p.55-58). Sự thật là sinh mệnh của kí, nếu không hiểu được điều đó, kí sẽ bị triệt tiêu và không còn bản dạng của mình nữa.

Đến đây có thể khẳng định rằng bản chất của kí nói chung và du kí nói riêng là ghi chép sự việc, nên đối tượng mà kí hướng tới nhất thiết phải là người thật việc thật. Muốn vậy, tác giả phải là người tham gia trực tiếp vào câu chuyện và chịu trách nhiệm trước độc giả về tính chân thật của những câu chuyện ấy. Để đảm bảo tính chân thật, “người viết kí

không nên đem những cái do mình tưởng tượng rất hay thế cho sự thật cuộc sống” (Hoang, 1966, p.57). Để làm được điều đó, người viết kí bắt buộc “phải đã đi đến những nơi mà họ mô tả. Vì “điều kiện thiết yếu của một cuốn du kí là trải nghiệm sống của tác giả giữa những người xa lạ khi xa nhà” (Jonathan, 1982, p.257) nên tác phẩm kí có giá trị như những pho tư liệu lịch sử quý giá, giúp cho thế hệ sau có được cái nhìn chuẩn xác về những sự việc và con người của thế hệ trước. Do vậy, nói “sách du kí là một loại nhân chứng” (Carl, 2011, p.15) cũng không có gì quá đáng. Điều này đồng nghĩa với việc kí không cho phép người viết thêm thắt hay bịa đặt vì nó khiến cho độc giả cảm thấy “nếu không phải bị lừa thì cũng là một cái gì gần như là một sự phụ lòng tin cậy, một cảm giác gần như bị lừa” (Tran, 1966, p.23). Và hậu quả là, như Hulme phát biểu, “tác phẩm của các tác giả ấy bị mất uy tín và không được gọi là du kí mà phải chuyển sang một thể loại khác như là một chuyến du hành bằng tưởng tượng” (Tim, 2018, p.4). Thật vậy, “Tuyệt đối không hư cấu là đặc “trung thể loại cơ bản” của kí, vi phạm đặc trưng này, nhà văn nhất định sẽ phá hoại tính chân thực lịch sử và cả tính chân thực nghệ thuật của tác phẩm” (Tam Duong, 1967, p.22). Chính đặc điểm không hư cấu, không tưởng tượng sẽ “tạo nên niềm tin cậy và gần như là một định lệ giao ước giữa người viết và người đọc”, và ngược lại “sự bịa đặt, thêm thắt sẽ tác hại đến lòng tin và cảm xúc thẩm mĩ của người đọc” (Ha, 1997, p.218).

Do vậy, những tác phẩm như *Gulliver’s Travel* của Xuýp-tơ hay *Robinson Crusoe* của Daniel Defoe, *Đế mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài, *Thần khúc* của Dante, *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân hay *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của J. Verne không thể nằm trong địa hạt của du kí, vì chúng hoàn toàn là sản phẩm của hư cấu và có thể được gọi cảm hứng từ những hành trình nổi tiếng. Tất cả đều không hề thực hiện chuyến đi nào nhưng vẫn tưởng tượng là có đi và viết như thật, nên cái thật mà các tiểu thuyết gia cố tình tạo ra thực sự chỉ là “tựa như thật” mà thôi. Để thuyết phục độc giả tin vào những điều mình viết, các nhà văn đã “sử dụng một số phương pháp của du kí để thiết lập và duy trì sự giả vờ rằng những nhân vật chính trong truyện đã thực sự trải qua các cuộc hành trình” (Tim, 2018, p.4). Nếu có thể gọi tên thì nên gọi các tác phẩm kiểu này là tiểu thuyết giả du kí hoặc nhại du kí thì sẽ thuyết phục hơn. Còn trường hợp *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân hay *Đi Tây* của Nhất Linh cũng giống như tác phẩm *Heart of Darkness* (1899) của Joseph Conrad và gần đây là *Xách ba lô lên và đi* của Huyền Chip. Cả bốn tác giả trên đều dựa vào chuyến đi có thực của mình nhưng lại thêm thắt vào những chi tiết hư cấu và thậm chí là những hành trình hư cấu để gia tăng tính thuyết phục cho tác phẩm, vậy chúng có phải là du kí? Đúng hơn nên gọi các tác phẩm kiểu này là tiểu thuyết hành trình. Và mặc dù chúng được coi là một “phương thức phản ánh thế giới mang tính nghệ thuật mà trong đó, cuộc hành trình chỉ là điểm tựa để nhà văn đưa vào những câu chuyện, sự tích bên cạnh câu chuyện hành trình” (Nguyen, 2018, p.41). Tuy nhiên, khi đã thừa nhận tính hư cấu trong các tác phẩm du hành, nghĩa là chúng không còn nằm trong địa hạt của du kí nữa. Và như vậy, các tác phẩm dạng

này đã không thỏa mãn được những kì vọng vào đặc trưng “người thật việc thật” mà một tác phẩm kí có thể mang lại.

Nhưng vì “Kí là sự can dự trực tiếp của nghệ thuật vào đời sống xã hội. Nghệ thuật là hoạt động nhằm thỏa mãn những tình cảm thẩm mỹ của con người” (Tran, 2011, p.360) nên ghi chép sự thật không đồng nghĩa với việc ghi chép một cách cơ học, máy móc, mà sự thật ấy phải được sàng lọc và sáng tạo lại để tạo nên những giá trị thẩm mỹ mới mang tính tiêu biểu, điển hình, giúp kí đạt đến chỗ có giá trị văn học. Nghĩa là:

Tác phẩm nghệ thuật phải miêu tả cuộc sống một cách chất lọc và tập trung. Hiện thực cuộc sống trong tác phẩm phải phong phú hơn, điển hình hơn hiện thực tự nhiên của cuộc sống. Đó là nguyên tắc chung của mọi hoạt động sáng tạo nghệ thuật, và của quy luật điển hình hóa nghệ thuật. Tác phẩm kí cũng không vượt ra ngoài quy luật trên” (Ha, 1997, p.220-221).

Mặc dù kí gắn với báo chí, nhưng không có nghĩa là thể loại này “bắt cập” những phẩm giá của văn học. Để kí có được những phẩm giá này thì nhà văn viết kí phải biết “tìm tòi và chọn lọc những điển hình trong vô số con người, sự kiện có thật xảy ra trong cuộc sống và biểu hiện những điển hình xã hội ấy sao cho thật sinh động và hấp dẫn” (Thanh, 1965, p.23-28). Nói rõ hơn thì “người viết cũng cần cải biên, sắp xếp, đảo lộn trình tự của các sự việc, tô đậm những nét chính hay xóa mờ những nét phụ của những con người, những cảnh vật đưa vào trong bài” (Pham, 1962, p.24). Geoffrey Moorhouse cũng cho rằng việc làm cho phép của anh ta khi viết các phẩm du kí của mình là “chỉnh sửa một số đoạn hội thoại mà nếu nó lặp đi lặp lại nguyên văn sẽ khiến tôi chán nản. Ngoài ra, tôi sẽ không thể cảm thấy thoải mái khi viết sai sự thật” (Geoffrey, 1999, p.20). Do vậy phẩm giá văn học giúp du kí mê hoặc người đọc, giúp họ có cơ hội được đắm mình vào những câu chuyện phiêu lưu có thật, độc đáo về các vùng đất và con người xa lạ.

3. Kết luận

Ở Việt Nam, vấn đề thuật ngữ, khái niệm cũng như những đặc trưng của du kí không gây quá nhiều tranh cãi, bởi hầu hết các tác giả cũng như giới học giả đều thống nhất quan niệm rằng, du kí là thể loại không hư cấu. Đây là điểm khác biệt lớn nhất với quan niệm của các tác giả phương Tây. Bản chất của du kí là hư cấu hay phi hư cấu? Câu hỏi này đã gây nên nhiều tranh cãi giữa các học giả phương Tây, và có vẻ những cuộc tranh cãi này, đến nay, vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Tuy nhiên, chúng ta cũng không phủ nhận một thực tế rằng, chính những tranh cãi ấy đã làm cho đời sống của du kí trở nên sôi động và nhiều màu sắc hơn. Chứng tỏ, du kí đã là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhiều thế hệ độc giả, những người đam mê khám phá và ưa vượt thoát trong suốt nhiều thế kỉ qua. Bài viết này không tham vọng giải quyết rốt ráo những tranh cãi xoay quanh thể loại du kí, tuy nhiên, cũng đưa ra một vài quan điểm riêng. Hi vọng những kiến giải này sẽ góp phần bổ khuyết một mảng màu cho bức tranh du kí ngày càng sinh động. Hiện nay, nhiều vấn đề liên quan đến du kí còn rất ngổn ngang. Để lấp đầy những khoảng trống này, cần có nhiều hơn nữa những công trình nghiên cứu công phu và nghiêm túc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, D. T. (2004). *Luoc khao lich su van hoc Viet Nam tu khoi thuy den cuoi the ki XX* [A brief of Vietnamese literary history from the beginning to the end of the twentieth century]. Hochiminh City: Literature and Arts Publishing House.
- Carl, T. (2011). *Travel Writing*. Publisher: Routledge, London and New York.
- Charles, F. (2009). “French Representation of Niagara: From Hennepin to Butor”, in Susan Castillo and David Seed, eds. *American Travel and Empire*. Liverpool: University Press.
- Claire, L. (2009). *Contemporary Travel Writing of Latin America*. New York – London: Routledge.
- Dao, D. A. (2005). *Tu dien HanViet* [Chinese -Vietnamese dictionary]. Hanoi: Information Culture Publishing House.
- Dea, B., & Sara, W. (1998). ‘Introduction’. in Dea Birkett và Sara Wheeler, eds. *Amazonian: The Penguin Book of Women’s New Travel Writing*. London: Penguin.
- Doan, T. T. V. (2011). Hai trinh chi luoc va su chuyen minh cua nhung quan niem van hoa noi nguoi tri thuc Viet Nam nua dau the ki XIX [Brief record of the voyage at sea and the transformation of cultural concepts among Vietnamese intellectuals in the first half of the nineteenth century]. *Ki yeu Hoi thao khoa hoc Quoc te: Viet Nam – Giao luu van hoa tu tuong phuong Dong* [Book of International Scientific Conference: Vietnam - Cultural exchange of ideas of the East]. Hochiminh City: National University Publishing House.
- Dictionary. Retrieved from: <https://dictionary.cambridge.org>
- Geoffrey, M. (1999). “The Inward Journey, the Outward Passage: A Literary Balancing act”. *Studies in Travel writing* 3, (19), 17-25.
- Hoang, P. (Ed) (2002). *Tu dien Tieng Viet* [Vietnamese Dictionary]. Da Nang: Da Nang Publishing House.
- Hoang, T. P. (1966). Ki khong can hu cau [Literature writing does not need fictions]. *Literary magazine*, (11), 55-58.
- Hoang, P. N. T. (1983). Mot vai suy nghi ve the ki [Some thoughts on the literature writing]. *Song Huong Magazine*, (1). Retrieved September 25th, 2019 from: <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c66/n5909/Mot-vai-suy-nghi-ve-the-ky.html>
- Jan, B. (2004). Defining Travel: On the Travel Book, Travel Writing and Terminology, in Glenn Hooper and Tim youngs (eds). *Perspectives on Travel Writing*. Aldershot: Ashgate, 13-26.
- Jonathan, R. (1982). The Journey and the Book, in *For Love and Money: Writing, Reading, Traveling, 1969-1987*. London: Collins Harvill, 253-260.
- Khong, T. (2002). *Spring and Autumn three stories* [Xuan Thu tam truyen]. Episode 2. Translated by Hoang Khoi. Hochiminh City: Publishing House.
- Le, B. H., Tran, D. S., & Nguyen, K. P. (2006). *Tu dien thuat ngu van hoc* [Dictionary of Literary Terms]. Hanoi: Education Publishing House.

- Nguyen, H. L. (2018). Dac diem lich su cua the loai du ki [Historical features of the travel writing genre]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 15(2), 39-51.
- Nguyen, T. M. Q. (2016). *So luoc quan niem ve van hoc du ki Viet Nam-Nhat Ban* [Outline of concepts about Vietnamese-Japanese travel literature]. Retrieved September 22th, 2019 from: <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=1152>
- Pham, H. (1962). Ve but ki [About the memoir genre]. *Literary magazine*, (63), 36-38.
- Pham, V. A. (1929). Sang Tay [To the West]. *Women's new literature*, (9).
- Paul, F. (1980). *Abroad british literary travelling between the wars*. Oxford: University Press.
- Tam Duong (1967). Ve the ki [About the literature writing genre]. *Literary magazine*, (2), 22.
- Thieu, C. (2004). *Han Viet tu dien [Chinese-Vietnamese dictionary]*. Hochiminh City: Youth Publishing House.
- Thanh Duy (1965). May suy nghi ve the ki [Some thoughts about the literature writing]. *Literary magazine*, (7), 23-28.
- Tran, D. S. (Ed) (2011). *Li luan van hoc [Literary theory]*. Hanoi: University education Publishing House.
- Tim, Y. (2018), *The Cambridge Introduction to Travel Writing*. Publisher: Cambridge University Press.
- Tran, T. K. A, & Hoang, H. C. (2010). *Cac the van chu Han Viet Nam [Types of Chinese literature of Vietnam]*. Hanoi: Social Science Publishing House.
- Tran, C. (1966). Ki co can hu cau nhu truyen khong? [Is it necessary to have literature writing fiction like a story?]. *Literary magazine*, (8), 23.

TRAVEL WRITING AND DEBATES

Vo Thi Thanh Tung

Thu Dau Mot University, Vietnam

Corresponding author: Vo Thi Thanh Tung – Email: tungvtt@tdmu.edu.vn

Received: May 14, 2021; Revised: July 01, 2021; Accepted: July 21, 2021

ABSTRACT

Travel writing today has become a global cultural phenomenon. Along with the public's interest in this genre, there is an increase in the academic studies of the topic. In these studies, it can be seen that there are still many conflicting views about the issues of travel writing such as terminology, concept, genre boundaries, and fictional nature of the genre. This article explores two controversial issues of the travel writing genre: terminology and concept and fiction. The paper also discusses a different definition of the concept of travel writing and explains the fictional nature of travel writing. This article will provide a more comprehensive view of documents associated with great discovery journeys of human beings which is not yet extensively researched.

Keywords: conflicting views; non-fiction; travel writing; terminology concept